

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THỦY SẢN
VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **30** /BC-TSCNTP-KDBDCL

Hải Phòng, ngày 09 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2025

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TCCB	Tổ chức cán bộ
CNTP	Công nghệ thực phẩm
TCQL	Tổ chức quản lý
CNH-HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
NN&MT	Nông nghiệp và Môi trường
KĐ	Kiểm định
CBVC	Cán bộ viên chức
HTĐBCL	Hệ thống đảm bảo chất lượng
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
BLDTBXH	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
KĐCL	Kiểm định chất lượng
MTCL	Mục tiêu chất lượng
HSSV	Học sinh, sinh viên

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Thông tin chung của Trường:

Tên gọi chính thức: Trường Cao đẳng Thủy sản và Công nghệ thực phẩm

Tên giao dịch quốc tế: College of Fishery and Food Technology

Cơ quan chủ quản: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Địa chỉ:

- Trụ sở chính: Phường Đồ Sơn - Thành phố Hải Phòng

Địa điểm đào tạo:

- Số 912 Thiên Lôi, Phường Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

- Số 828 Trần Nhân Tông, Phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng

- Tổ 6, Phường Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3861.400

0225.3728.274

Website: <https://www.cfft.edu.vn>

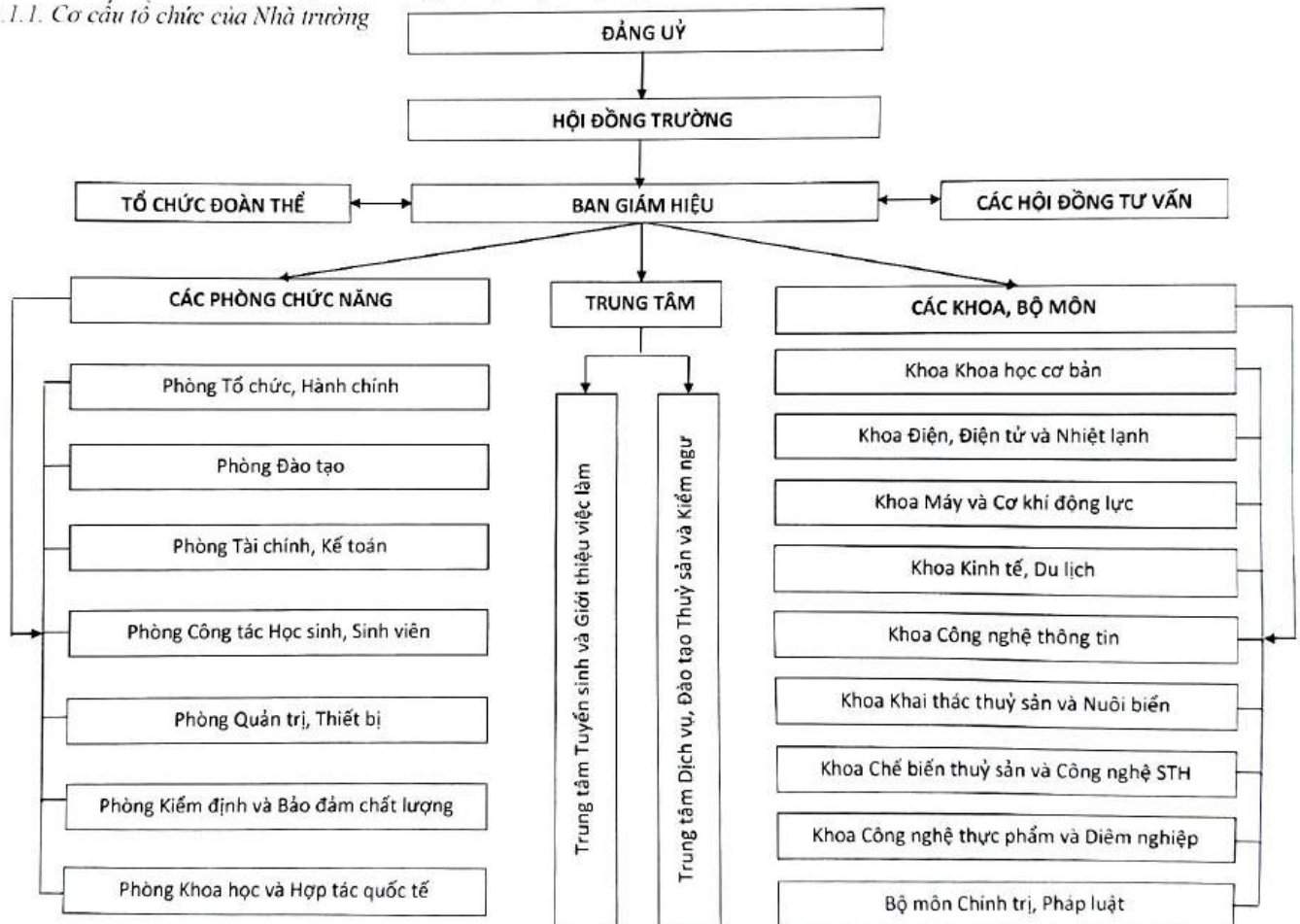
Email: cdthuysan_cntp@mae.gov.vn

Năm thành lập trường: 1962

Loại hình trường: Trường công lập

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.1.1. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường



1.1.2. Nhân sự của Nhà trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh	Ghi chú
Ban Giám hiệu					
1	Trịnh Quốc Tấn	1976	Tiến sỹ	Hiệu trưởng	
2	Lê Quang Liệu	1973	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng	
3	Phạm Văn Quang	1976	Tiến sỹ	Phó Hiệu trưởng	
4	Vũ An Bình	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng	
5	Nguyễn Công Hùng	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng	
Các phòng chức năng					
Phòng Tài chính, Kế toán					
6	Khúc Thị Huyền	1983	Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng (Kế toán trưởng)	Phụ trách phòng
Phòng Tổ chức, Hành chính					
7	Vũ Thị Hồng Nhung	1976	Thạc sỹ	Trưởng phòng	
8	Lương Thị Đông	1987	Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng	
9	Đỗ Đức Quang	1978	Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng	
Phòng Quản trị thiết bị					
10	Nguyễn Xuân Mạnh	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng	
11	Nguyễn Văn Lãm	1979	Cử nhân	Phó Trưởng phòng	
Phòng Đào tạo					
12	Lê Quang Trung	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng	
13	Ngô Thị Ngọc Anh	1977	Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng	
Phòng khoa học và Hợp tác quốc tế					
14	Nguyễn Anh Tuấn	1978	Thạc sỹ	Trưởng phòng.	
15	Đinh Thị Tuyết	1973	Kỹ sư	Phó Trưởng phòng	
Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên					
16	Ngô Thi Huệ	1982	Thạc sỹ	Trưởng phòng	
17	Nguyễn Văn Trọng	1980	Cử nhân	Phó Trưởng phòng	
Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng					
18	Nguyễn Thị Hồng Linh	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng	
19	Phạm Thị Minh Phượng	1984	Thạc sỹ	Phó Trưởng phòng	
Các Khoa và Bộ môn					
Bộ môn Chính trị, Pháp luật					
20	Ngô Thị Thu Hương	1981	Thạc sỹ	Trưởng Bộ môn	
21	Nguyễn Thị Liên	1986	Thạc sỹ	Phó Trưởng Bộ môn	
Khoa Khoa học cơ bản					
22	Ngô Thị Mến	1979	Thạc sỹ	Trưởng khoa	

23	Phạm Thị Thanh Thủy	1978	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
24	Đổng Thị Chung Thủy	1979	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
25	Nguyễn Phú Đoàn	1984	Cử nhân	Phó Trưởng khoa	
Khoa Kinh tế, Du lịch					
26	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Thạc sỹ	Trưởng khoa	
27	Hoàng Thị Ngọc Minh	1988	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
28	Ngô Thị Thư	1984	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
Khoa Công nghệ thông tin					
29	Phạm Ngọc Toán	1977	Thạc sỹ	Trưởng khoa	
30	Nguyễn Thành Dương	1979	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
31	Nguyễn Quang Trình	1987	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
Khoa Điện-Điện tử - Nhiệt lạnh					
32	Phạm Văn Ninh	1987	Thạc sỹ	Trưởng khoa	
Khoa Máy và Cơ khí động lực					
33	Nguyễn Sỹ Uẩn	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa	
Khai thác thủy sản và Nuôi biển					
34	Hoàng Đăng Trường	1984	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	Phụ trách khoa
Khoa Chế biến thủy sản và Công nghệ sau thu hoạch					
35	Trần Thị Huệ	1976	Thạc sỹ	Trưởng khoa	
36	Nguyễn Thị Hằng	1978	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
Khoa Công nghệ thực phẩm và Diêm nghiệp					
37	Nguyễn Sỹ Trị	1983	Thạc sỹ	Trưởng khoa	
38	Phạm Thị Tâm	1981	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa	
Trung tâm trực thuộc					
Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm					
39	Vũ Cao Cường	1983	Thạc sỹ	Giám đốc	
40	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1987	Cử nhân	Phó Giám đốc	
41	Trương Thanh Chiến	1977	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	
Trung tâm Dịch vụ, Đào tạo Thủy sản và Kiểm ngư					
42	Hoàng Thị Thu Hiền	1972	Tiến sỹ	Trưởng phòng	

- Tổng số cán bộ, nhà giáo của trường: Tính đến thời điểm hiện tại tổng số CBGV và người lao động của nhà trường là 161 người.

Trong đó: + Nam: 69

+ Nữ: 92

- *Đội ngũ nhà giáo:* 98 người, trong đó:
 + Nhà giáo cơ hữu: 89 người
 + Giáo viên hợp đồng: 09 người

<i>Nhà giáo cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	2	1	3
Thạc sĩ	18	36	54
Đại học	18	14	32
Tổng số	38	51	89

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.2.1. Quy mô đào tạo của nhà trường:

Quy mô đào tạo của nhà trường là 3.223 HSSV trong đó:

- Trình độ cao đẳng là 470 sinh viên
- Trình độ trung cấp là 2.753 học sinh

1.2.2. Ngành, nghề đào tạo:

TT	Tên ngành nghề	Trình độ		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
1	Kế toán doanh nghiệp	X	X	
2	Công nghệ thông tin	X		
3	Điện công nghiệp	X	X	
4	Điện dân dụng	X	X	
5	Chế biến thực phẩm	X	X	
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	X	X	
7	Chế biến và bảo quản thủy sản	X	X	
8	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	X	X	
9	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	X	X	
10	Khai thác, đánh bắt hải sản	X	X	
11	Kiểm ngư	X	X	
12	Công nghệ ô tô	X	X	
13	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	X	X	
14	Điện tử công nghiệp	X	X	
15	Cơ điện lạnh thủy sản	X	X	
16	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	X		
17	Logistics	X	X	
18	Hàn	X	X	
19	Kế toán hành chính sự nghiệp		X	

TT	Tên ngành nghề	Trình độ		
		Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp
20	Công nghệ kỹ thuật chế biến và bảo quản thực phẩm		X	
21	Công nghệ thông tin (ƯDPM)		X	
22	Điện công nghiệp và dân dụng		X	
23	Tin học ứng dụng		X	
24	Công nghệ kỹ thuật sản xuất muối		X	
25	Thương mại điện tử		X	
26	Kỹ thuật chế biến món ăn		X	X
27	Khai thác máy tàu thủy		X	
28	Nghiệp vụ lễ tân		X	
29	Kỹ thuật pha chế đồ uống		X	
30	Xây dựng dân dụng và công nghiệp		X	
31	Công nghệ nuôi trồng, chế biến nấm			X
32	Sản xuất muối từ nước biển			X
33	Sản xuất muối công nghiệp			X

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

1.3.1. Đơn vị phụ trách:

- Phòng Kiểm định và Bảo đảm chất lượng là đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng của nhà trường.

- Tổng số cán bộ viên chức trong đơn vị là 4 người.

- Điện thoại liên hệ: 0989.396.258

- Email: linhhcto@gmail.com

1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ

• Chức năng

Phòng Kiểm định và BDCL có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công tác khảo thí và quản lý chất lượng đào tạo trong toàn trường, kiểm định chất lượng đào tạo theo quy định.

• Nhiệm vụ

- Tham mưu Hiệu trưởng và tổ chức thực hiện công tác Khảo thí, Bảo đảm chất lượng, đồng thời đề ra giải pháp để nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo ở Trường.

- Tổ chức xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các Quy định, Hướng dẫn công tác khảo thí, kiểm định chất lượng đào tạo ở Trường và theo dõi việc thực hiện tại các đơn vị.

- Phối hợp với phòng Đào tạo và các Khoa, Bộ môn và các đơn vị liên quan tổ chức công tác đánh giá, xếp loại nhà giáo; đánh giá chất lượng đào tạo của Trường.

- Thường trực Hội đồng Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hội đồng xây dựng Hệ thống đảm bảo chất lượng trường và tham gia các Hội đồng khác liên quan đến công tác Giáo dục - Đào tạo của Trường.

- Tiếp nhận và xử lý các loại đơn từ, hồ sơ, công văn...liên quan đến hoạt động Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê, báo cáo kịp thời công tác khảo thí, kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu của cấp trên và của Trường.

- Xây dựng kế hoạch và phối hợp với các đơn vị tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra và giám sát các hoạt động đào tạo, phục vụ đào tạo. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo BGH kết quả thực hiện và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ đào tạo.

- Thực hiện công tác tổ chức, quản lý hệ thống ngân hàng đề thi. Chủ trì việc kiểm tra, giám sát các kỳ thi từ khâu: chuẩn bị đề thi, nhân đề thi, đóng gói niêm phong đề thi, tổ chức coi thi và xử lý bài thi kết thúc môn học/mô đun. Theo dõi và tổng hợp khối lượng coi thi, chấm thi của giáo viên.

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Thủy sản và Công nghệ thực phẩm được xây dựng và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như học tập, giảng dạy, nghiên cứu, và cung ứng dịch vụ. Hệ thống đảm bảo chất lượng hướng đến đáp ứng tốt sứ mệnh, tầm nhìn, đạt các mục tiêu, chính sách chất lượng của nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên có liên quan.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Năm 2025, Nhà trường đã:

- Triển khai áp dụng có hiệu quả Hệ thống ĐBCL đến các đơn vị. Nhà trường đã soạn thảo và ban hành hệ thống tài liệu phù hợp với Quy định Hệ thống ĐBCL của trường đã ban hành theo Quyết định số 829/QĐ-TSCNTP-KĐBĐCL, ngày 6/6/2025 của Nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý ở từng đơn vị và nhà trường.

- Nhà trường đã xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống đảm bảo chất lượng bao gồm: Chính sách chất lượng giai đoạn 2025-2030; 12 MTCL nhà trường; 78 MTCL của các đơn vị; xây dựng mới 4 quy trình, rà soát 44 Quy trình.

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

ĐƠN ĐẢM BẢO NGÀNH PHÂN

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017 của Bộ LĐ-TBXH Quy định về Hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành theo Thông tư 14/2024/TT-BLĐTBXH, ngày 31/12/2024 của Bộ LĐ-TBXH.

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Mục đích của việc xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm duy trì, cải tiến và nâng cao chất lượng nhà trường và đạt được các mục tiêu đề ra để xây dựng Nhà trường vững mạnh toàn diện.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn.

- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

- Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

- Phù hợp với điều kiện thực tiễn của Nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng nhà trường
- Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện ĐBCL nhà trường
- Lập kế hoạch xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến đảm bảo chất lượng
- Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến đảm bảo chất lượng

- Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.
- Xây dựng chính sách chất lượng
- Xây dựng mục tiêu chất lượng
- Xây dựng sổ tay đảm bảo chất lượng
- Xây dựng quy trình, công cụ ĐBCL
- Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.
- Phê duyệt Hệ thống ĐBCL của nhà trường.
- Vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng
- Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Thủy sản và Công nghệ thực phẩm cùng toàn thể cán bộ viên chức Nhà trường, bằng chính trách nhiệm và năng lực của mình, bằng quyết tâm và nỗ lực chung, chúng tôi cam kết:

1. Tập trung xây dựng Nhà trường là Trường Cao đẳng chất lượng cao; đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng sáng tạo, thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0 để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và thị trường lao động.
2. Đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động có trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp và năng lực thực hiện tốt công tác chuyên môn.
3. Xây dựng môi trường làm việc công khai, minh bạch, đảm bảo mọi thành viên của nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình. Trong đó, người học là đối tượng trung tâm luôn được đảm bảo quyền lợi tốt nhất trong học tập, nghiên cứu, cơ hội việc làm và các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.
4. Mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để hợp tác đào tạo, đảm bảo chương trình đào tạo gắn với nhu cầu thực tế của thị trường lao động và tìm kiếm việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.
5. Tăng cường đầu tư, mua sắm trang thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị theo quy định. Tổ chức quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, thư viện đúng mục đích, đạt hiệu quả.
6. Phấn đấu năm 2030 đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo các ngành, nghề trọng điểm.

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Năm học 2024-2025 nhà trường đã xây dựng 12 mục tiêu chất lượng như sau:

1. Đảm bảo tuyển sinh đạt trên 60% chỉ tiêu được giao.
2. 100% nhà giáo thực hiện đầy đủ, đúng quy định về hồ sơ sổ sách trong đào tạo; Có nhà giáo tham gia và đạt giải tại Hội giảng Nhà giáo GDNN cấp toàn quốc.
3. Đội ngũ cán bộ, viên chức thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, vun đắp lòng nhiệt huyết, rèn luyện đạo đức phẩm chất, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; 90% CBVC được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 20% được đánh giá, xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
4. Duy trì nề nếp “Dạy tốt, học tốt”; Trên 40% học sinh, sinh viên được xếp toàn diện loại Khá, Giỏi, Xuất sắc.
5. Phấn đấu 100% HSSV chuẩn bị tốt nghiệp được giới thiệu việc làm.
6. Có ít nhất 03 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên; 100% đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu đúng thời gian.
7. 100% đơn vị trong trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong đó ít nhất 20% đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
8. Phấn đấu ít nhất 85% HSSV có kết quả rèn luyện đạt từ loại Khá trở lên.
9. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng; các quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng được vận hành, quản lý và cải tiến theo quy định.

G V A M N

10. Tiếp tục bổ sung thiết bị đào tạo đủ về số lượng và chất lượng. Đảm bảo 100% trang thiết bị phục vụ đào tạo được bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch.

11. Đảm bảo thực hiện đúng các chính sách cho người lao động, trong đó nhà trường có tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức cho viên chức – người lao động đi tham quan, du lịch.

12. Phần đầu đời sống CBVC tăng ít nhất 10% so với năm học 2023-2024

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

Hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Cao đẳng Thủy và Công nghệ thực phẩm được áp dụng trên các lĩnh vực sau:

- Mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường
- Tổ chức và quản lý
- Hoạt động đào tạo
- Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động
- Chương trình, giáo trình
- Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện
- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế
- Quản lý tài chính
- Các dịch vụ cho người học
- Giám sát và đánh giá chất lượng

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng:

Hạ tầng thông tin của nhà trường được chú trọng đầu tư, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong tất cả các đơn vị, mạng lưới internet được nhà trường trang bị toàn trường. Do đó đã góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động nói chung và hoạt động thông tin đảm bảo chất lượng nói riêng.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá:

a1) Đánh giá cấp đơn vị:

- Tổng số đơn vị tổ chức tự đánh giá là 17 đơn vị
- Tổng số đợt đánh giá được chia làm 01 đợt
- Nội dung đánh giá tập trung vào thực hiện MTCL đã đăng ký và các quy trình đang vận hành, đề xuất cải tiến.

a2) Đánh giá cấp nhà trường:

- Nhà trường đã tổ chức đánh giá vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng của 17 đơn vị
- Tổng số đợt đánh giá được chia làm 01 đợt

- Nội dung đánh giá tập trung vào thực hiện MTCL của đơn vị, nhà trường và các quy trình đang vận hành.

a3) Đánh giá chung:

- Trong năm 2025, Nhà trường đã triển khai áp dụng có hiệu quả Hệ thống ĐBCL. Quá trình tổ chức vận hành Hệ thống ĐBCL đã nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ viên chức trong việc áp dụng các thủ tục, quy trình vào công việc hằng ngày; các quy trình được cập nhật cải tiến kịp thời để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

- Thông qua đánh giá nội bộ, nhà trường đã tạo môi trường thuận lợi để các đơn vị học tập, trao đổi kinh nghiệm tổ chức vận hành Hệ thống ĐBCL, các đơn vị đã hình thành được đội ngũ có hiểu biết sâu về Hệ thống ĐBCL.

- Tuy nhiên trong quá trình vận hành còn bộc lộ một số hạn chế như:

+ Việc xác định một số chỉ tiêu phân đầu trong MTCL còn cao do đó còn có mục tiêu chưa hoàn thành.

+ Một bộ phận CBVC tham gia vận hành Hệ thống ĐBCL chưa thực hiện đúng các bước và nội dung công việc theo quy trình đã ban hành.

- Trong tổng số 12 MTCL nhà trường có 10/12 mục tiêu đạt; 2/10 mục tiêu chưa đạt (mục tiêu số 6, 11)

- Trong tổng số 78 MTCL của các đơn vị có 6 MTCL chưa đạt mục tiêu đề ra.

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	37	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	37	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	48	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	44	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	4	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	4	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

- Đã góp phần nâng cao năng lực quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

- Giúp điều hành nội bộ và kiểm soát công việc tốt hơn

- Chất lượng công việc được cải tiến thường xuyên.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Một số chỉ tiêu phấn đấu trong MTCL đôi lúc chưa được sát đúng với năng lực thực tiễn của đơn vị, nhà trường nên đã không đạt được như đã đề ra.

- Số lượng quy trình còn hạn chế.

3.3. Nguyên nhân:

- Một số CBVC chưa thực sự quan tâm đến công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường.

- Việc lưu trữ minh chứng khoa học chưa trở thành thói quen cần thiết.

3.4. Đề xuất :

Để vận hành HTĐBCL đạt kết quả cao trong thời gian tới đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo mở các lớp bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ làm công tác ĐBCL tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT: Đề b/c
- Sở GD&ĐT thành phố Hải Phòng: Đề b/c
- Bộ NN&MT: Đề b/c
- Lưu: Văn thư, KĐBĐCL



Trịnh Quốc Tấn